

BẢNG CÁC NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ

Tiêu đề, căn cứ ban hành; Điều, khoản, điểm	Nội dung Nghị quyết số 44/2020/NQ-HĐND ngày 15/12/2020	Nội dung dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý xây dựng nội dung dự thảo Nghị quyết
Tiêu đề	Phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Lai Châu	Quy định cụ thể các nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Lai Châu	Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
Căn cứ ban hành	<p>Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;</p> <p>Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;</p> <p>Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;</p> <p>Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;</p> <p>Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp môi trường;</p>	<p>Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;</p> <p>Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;</p> <p>Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;</p> <p>Căn cứ Luật Đa dạng sinh học ngày 13 tháng 11 năm 2008;</p> <p>Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;</p> <p>Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</p>	<p>Lược bỏ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014; đã hết hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022; Bổ sung các căn cứ hiện hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020; - Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020; - Luật Đa dạng sinh học ngày 13 tháng 11 năm 2008; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25/5/2023 của Bộ

		<p>Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;</p> <p>Căn cứ Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25/5/2023 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp môi trường;</p>	<p>Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp môi trường.</p>
Điều 1	Phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	
1	Phạm vi điều chỉnh	1. Phạm vi điều chỉnh	
a)	Phân định cụ thể về nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường do ngân sách nhà nước bảo đảm (bao gồm các nhiệm vụ, dự án, đề tài, chương trình bảo vệ môi trường) từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.	Nghị quyết này quy định cụ thể các nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Lai Châu, gồm: Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường; chi các hoạt động kinh tế; chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo; chi sự nghiệp khoa học và công nghệ; chi quản lý hành chính; chi đầu tư phát triển cho bảo vệ môi trường.	
b)	Các nội dung chi bảo vệ môi trường từ nguồn kinh phí khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết này.	Các nội dung chi bảo vệ môi trường từ nguồn kinh phí khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết này;	
c)	Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy định được dẫn chiếu áp dụng Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo văn bản mới.	Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy định được dẫn chiếu áp dụng Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo quy định của văn bản mới.	
2	Đối tượng áp dụng	Đối tượng áp dụng	

a)	Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (cấp huyện); Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (cấp xã).	a) Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã);	
b)	Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.	b) Các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân các cấp; các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường.	
3.	Nhiệm vụ chi ngân sách cấp tỉnh		
a)	Xây dựng, điều chỉnh chiến lược, kế hoạch, quy trình kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường, chương trình, đề án về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.		
b)	Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường nhằm nâng cao nhận thức và ý thức bảo vệ môi trường; tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về bảo vệ môi trường; chi giải thưởng, khen thưởng về bảo vệ môi trường cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.		
c)	Hoạt động thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, báo cáo đánh giá tác động môi trường; thẩm định các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường được chi từ nguồn sự nghiệp môi trường, thuộc trách nhiệm của tỉnh.		
d)	Hoạt động của hệ thống quan trắc và phân tích		

	<p>môi trường do các cơ quan, đơn vị tỉnh quản lý theo Quy hoạch tổng thể mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (bao gồm vận hành, bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa, hiệu chỉnh, kiểm định, thay thế thiết bị phụ trợ, công cụ, dụng cụ); xây dựng và thực hiện các chương trình quan trắc hiện trạng môi trường, các tác động đối với môi trường của tỉnh.</p>		
đ)	<p>Hỗ trợ công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường (bao gồm kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường, tác động xấu đến môi trường); xác định khu vực bị ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; phòng ngừa, ứng phó khắc phục sự cố môi trường trên địa bàn tỉnh.</p>		
e)	<p>Hỗ trợ công tác quản lý chất thải, điều tra, đánh giá các nguồn thải gây ô nhiễm môi trường, đánh giá sức chịu tải của môi trường thuộc nhiệm vụ của tỉnh theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thông kê, cập nhật tình hình phát sinh chất thải, sản phẩm thải bỏ.</p>		
g)	<p>Hỗ trợ công tác xử lý ô nhiễm môi trường theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm các nội dung: điều tra khảo sát, phân tích đánh giá tình hình ô nhiễm môi trường, lập kế hoạch, đề án, dự án khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường, mua bản quyền công nghệ xử lý chất thải nếu có, kiểm tra, nghiệm thu dự án.</p>		
h)	<p>Hỗ trợ công tác bảo tồn đa dạng sinh học theo</p>		

	<p>khoản 1 Điều 4 Thông tư Liên tịch số 160/2014/TTLT-BTC-BTNMT ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ, dự án theo Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (không bao gồm công tác lập, thẩm định và điều chỉnh quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học).</p>		
i)	<p>Xây dựng và duy trì hoạt động hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường (bao gồm thu thập, xử lý, trao đổi thông tin, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế thiết bị lưu trữ hệ thống thông tin dữ liệu); thống kê môi trường, xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê môi trường; báo cáo công tác bảo vệ môi trường của tỉnh.</p>		
k)	<p>Hỗ trợ duy trì, vận hành các công trình xử lý ô nhiễm môi trường công cộng; hỗ trợ sửa chữa, cải tạo các công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường cho các làng nghề được khuyến khích phát triển.</p>		
l)	<p>Hoạt động kiểm tra các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án; kiểm tra, xác nhận hoàn thành khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường, hoạt động kiểm tra việc thực hiện giấy chứng nhận, giấy phép về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.</p>		
m)	<p>Hỗ trợ chủ đầu tư dự án xây dựng công trình</p>		

	bảo vệ môi trường để thực hiện dịch vụ thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý giảm thiểu, tái chế chất thải trên địa bàn tỉnh.		
n)	Hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của tỉnh và theo quyết định của cấp có thẩm quyền.		
o)	Hoạt động của Ban chỉ đạo, Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường được UBND tỉnh quyết định.		
p)	Vốn đối ứng các dự án hợp tác quốc tế có tính chất chi sự nghiệp về bảo vệ môi trường.		
q)	Hỗ trợ vốn điều lệ cho Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh.		
r)	Các hoạt động bảo vệ môi trường khác thuộc trách nhiệm của tỉnh.		
4.	Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện		
a)	Xây dựng chương trình, kế hoạch bảo vệ môi trường; tổ chức đánh giá và lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn cấp huyện.		
b)	Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường nhằm nâng cao nhận thức và ý thức bảo vệ môi trường; tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về bảo vệ môi trường trên địa bàn cấp huyện; chi khen thưởng về bảo vệ môi trường cho các tổ chức, cá nhân được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định;		
c)	Hỗ trợ công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường; phòng ngừa, ứng phó khắc phục sự cố môi		

	trường trên địa bàn cấp huyện;		
d)	Hỗ trợ công tác quản lý chất thải, điều tra các nguồn thải gây ô nhiễm môi trường; thống kê, cập nhật tình hình phát sinh chất thải, sản phẩm thải bỏ thuộc địa bàn cấp huyện.		
đ	Hỗ trợ công tác xử lý ô nhiễm môi trường theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm các nội dung: điều tra khảo sát, phân tích đánh giá tình hình ô nhiễm môi trường, lập kế hoạch, đề án, dự án khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường, mua bản quyền công nghệ xử lý chất thải nếu có, kiểm tra, nghiệm thu dự án), Dự án về bảo vệ môi trường khác theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện.		
e)	Quản lý các công trình vệ sinh công cộng; hỗ trợ thiết bị, phương tiện thu gom rác thải, vệ sinh môi trường ở nơi công cộng, khu dân cư theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện; hỗ trợ các hoạt động bảo vệ môi trường của các tổ chức tự quản về môi trường trên địa bàn cấp huyện.		
g)	Hỗ trợ duy trì, vận hành các công trình xử lý ô nhiễm môi trường công cộng do cấp huyện quản lý; hỗ trợ sửa chữa, cải tạo các công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường cho các làng nghề được khuyến khích phát triển trên địa bàn cấp huyện.		
h)	Hỗ trợ chủ đầu tư dự án xây dựng công trình bảo vệ môi trường để thực hiện dịch vụ thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý, giảm thiểu,		

	tái chế chất thải trên địa bàn cấp huyện.		
i)	Hoạt động xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định (bao gồm văn phòng phẩm, phô tô tài liệu, làm thêm giờ, đi lại kiểm tra thực tế);		
k)	Hỗ trợ công tác bảo tồn đa dạng sinh học theo khoản 1 Điều 4 Thông tư Liên tịch số 160/2014/TTLT-BTC-BTNMT ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường.		
l)	Hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện và theo quyết định của UBND tỉnh;		
m)	Hợp đồng lao động để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện;		
n)	Hợp đồng lao động để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện.		
o)	Các hoạt động bảo vệ môi trường khác thuộc trách nhiệm của cấp huyện.		
5.	Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã		
a)	Xây dựng chương trình, kế hoạch bảo vệ môi trường; tổ chức đánh giá và lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn cấp xã.		
b)	Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường nhằm nâng cao nhận thức và ý thức bảo vệ môi trường trên địa bàn cấp xã; khen thưởng về bảo vệ môi trường cho các tổ chức, cá nhân được Chủ tịch Ủy ban nhân dân		

	cấp xã quyết định.		
c)	Hỗ trợ duy trì, vận hành các công trình xử lý ô nhiễm môi trường công cộng; hỗ trợ sửa chữa, cải tạo các công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường cho các làng nghề được khuyến khích phát triển.		
d)	Hỗ trợ công tác thống kê, cập nhật tình hình phát sinh chất thải và kiểm soát ô nhiễm môi trường của cấp xã.		
đ)	Quản lý, vận hành và duy tu, bảo dưỡng theo quy định các dự án, công trình bảo vệ môi trường trên địa bàn được cấp có thẩm quyền giao.		
e)	Hỗ trợ công tác kiểm soát môi trường và các nguồn ô nhiễm môi trường; ứng phó, khắc phục sự cố môi trường do thiên tai gây ra hoặc chưa xác định rõ nguyên nhân trên địa bàn cấp xã.		
g)	Hỗ trợ chủ đầu tư dự án xây dựng công trình bảo vệ môi trường để thực hiện dịch vụ thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý, giảm thiểu, tái chế chất thải trên địa bàn cấp xã.		
h)	Hỗ trợ công tác kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của cấp xã và theo quyết định của cấp có thẩm quyền.		
i)	Hỗ trợ các hoạt động bảo vệ môi trường của các tổ chức tự quản về môi trường trên địa bàn cấp xã (hợp tác xã, tổ dân phố, các tổ chức chính trị xã hội).		

k)	Các hoạt động bảo vệ môi trường khác thuộc trách nhiệm của cấp xã.		
Điều 2	Hội đồng nhân dân tỉnh giao	Điều 2. Nhiệm vụ chi thường xuyên cho bảo vệ môi trường cấp tỉnh	
1.	Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện.	1. Nhiệm vụ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
2	Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức giám sát việc thực hiện Nghị quyết.	a) Truyền thông, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, ý thức, kiến thức về bảo vệ môi trường; phổ biến, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; hội thảo phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; tổ chức và trao giải thưởng về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu cho cá nhân, tổ chức, cộng đồng theo quy định của pháp luật;	Khoản 7 Điều 152 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.
		b) Đầu tư trang thiết bị để bảo vệ môi trường, quan trắc môi trường: Mua sắm trang thiết bị thay thế; duy trì, vận hành trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh; hoạt động của hệ thống quan trắc môi trường theo quy hoạch tỉnh (bao gồm cả vận hành, bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa, hiệu chuẩn, kiểm định);	Điểm c, d khoản 3 Điều 152 Nghị định 08/2022/NĐ-CP
		c) Hoạt động quản lý chất thải, hỗ trợ xử lý chất thải: Điều tra, thống kê, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường, theo dõi diễn biến chất lượng môi trường, lập danh mục chất ô nhiễm, chất thải rắn, nguồn ô nhiễm; đánh giá, dự báo tình hình phát sinh, thu gom, xử lý chất thải	Điểm a khoản 1 Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

		rắn sinh hoạt;	
		<p>d) Xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm, gồm: Khu vực bị ô nhiễm tồn lưu hóa chất trong chiến tranh; khu vực bị ô nhiễm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật; khu vực đất bị ô nhiễm khác trên địa bàn từ hai huyện trở lên thuộc trách nhiệm xử lý của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố; xử lý ô nhiễm môi trường nước mặt sông, hồ trên địa bàn từ hai huyện trở lên thuộc trách nhiệm xử lý của Ủy ban nhân dân tỉnh (không bao gồm dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công);</p>	Khoản 2 Điều 152 Nghị định 08/2022/NĐ-CP
		<p>đ) Bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học; bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu, gồm:</p> <p>Điều tra, khảo sát, đánh giá, quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên; xác lập, thẩm định và công nhận di sản thiên nhiên thuộc nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh; hoạt động bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học theo quy định tại khoản 3 Điều 73 Luật Đa dạng sinh học (trừ lập, thẩm định quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học) thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh;</p> <p>Điều tra, khảo sát, thống kê số liệu hoạt động phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp tỉnh, cấp ngành; cập nhật danh mục cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính; xây dựng và vận hành hệ thống đo đạc, báo</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm c khoản 5 Điều 152 Nghị định 08/2022/NĐ-CP; - Điểm d khoản 5 Điều 152 Nghị định 08/2022/NĐ-CP; - Điểm đ khoản 5 Điều 152 Nghị định 08/2022/NĐ-CP; - Điểm e khoản 5 Điều 152 Nghị định 08/2022/NĐ-CP; - Điểm g khoản 5 Điều 152 Nghị định 08/2022/NĐ-CP;

		<p>cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp tỉnh; Hoạt động phát triển thị trường các-bon trên địa bàn tỉnh; Xây dựng hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp tỉnh; xây dựng báo cáo đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu cấp tỉnh; Điều tra, thống kê, giám sát, đánh giá, lập danh mục chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính thuộc nhiệm vụ tại địa bàn tỉnh;</p>	
		<p>e) Điều tra, đánh giá tình hình suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước mặt; điều tra, đánh giá khả năng chịu tải của nguồn nước mặt; điều tra, xác định dòng chảy tối thiểu trên sông, suối; điều tra, phân vùng chức năng nguồn nước mặt; điều tra, tìm kiếm nguồn nước dưới đất; điều tra, đánh giá tình hình suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước dưới đất; điều tra, khoanh vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; điều tra, xác định danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp; hoạt động đo đạc mặt cắt sông, suối; hoạt động đánh giá diễn biến sạt lở lòng, bờ, bãi sông để phục vụ công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước; hoạt động điều tra, khảo sát phục vụ lập, điều chỉnh kế hoạch bảo vệ nước dưới đất được thực hiện định kỳ 05 năm một lần hoặc đột xuất; hoạt động điều tra, khảo sát phục vụ lập, điều chỉnh hành lang bảo vệ nguồn nước để ban hành, điều chỉnh danh</p>	<p>Điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước (có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024).</p>

		mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ, xây dựng phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước và thực hiện cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định;	
		g) Phối hợp trong việc ký kết, thực hiện các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên theo yêu cầu của cơ quan trung ương có thẩm quyền; ký kết, thực hiện các thỏa thuận quốc tế về bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn; bố trí vốn đối ứng chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, viện trợ về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn thuộc nguồn sự nghiệp môi trường theo quy định của pháp luật;	Khoản 8 Điều 152 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.
		h) Các hoạt động quản lý nhà nước khác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của tỉnh theo quy định của pháp luật, gồm: Xây dựng, điều chỉnh chương trình, kế hoạch, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế-kỹ thuật, chương trình, đề án, dự án về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; Đánh giá việc thực hiện phương án bảo vệ môi trường và bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trong quy hoạch tỉnh; đánh giá, dự báo chất lượng môi trường nước mặt, trầm tích, khả năng chịu tải của môi trường nước mặt đối với sông, hồ trên địa bàn; kiểm kê, đánh giá nguồn thải, mức độ ô nhiễm sông, hồ	Khoản 9 Điều 152 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

		<p>trên địa bàn; đánh giá, dự báo chất lượng môi trường không khí trên địa bàn; điều tra, đánh giá, xác định, khoanh vùng các khu vực có nguy cơ ô nhiễm môi trường đất và khu vực ô nhiễm môi trường đất trên địa bàn; hoạt động đánh giá phục vụ việc xác nhận về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;</p> <p>Quản lý, công bố thông tin về môi trường; vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu (bao gồm cả thu nhận, xử lý, trao đổi thông tin, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế thiết bị lưu trữ hệ thống thông tin, dữ liệu); cập nhật, đánh giá chỉ tiêu thống kê và xây dựng báo cáo về môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; đánh giá, xếp hạng kết quả bảo vệ môi trường;</p> <p>Phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường trên địa bàn từ 02 huyện trở lên thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh;</p> <p>Tiếp nhận, xác minh, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư về bảo vệ môi trường.</p>	
		<p>i) Hoạt động kiểm tra, thanh tra, giám sát về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc nhiệm vụ của tỉnh và theo quyết định của cấp có thẩm quyền.</p>	<p>Khoản 4 Điều 152 Nghị định 08/2022/NĐ-CP</p>
		<p>2. Nhiệm vụ chi các hoạt động kinh tế: Hoạt động bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học theo quy định tại khoản 3 Điều 73 Luật Đa dạng sinh học trên địa bàn từ hai huyện trở lên (trừ lập, thẩm định quy hoạch</p>	<p>Điểm c khoản 5 Điều 152 và điểm b khoản 1 Điều 153 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP</p>

		bảo tồn đa dạng sinh học) thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh.	
		3. Nhiệm vụ chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	Điểm c khoản 1 Điều 153 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
		a) Hoạt động bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học theo quy định tại khoản 3 Điều 73 Luật Đa dạng sinh học trên địa bàn từ hai huyện trở lên (trừ lập, thẩm định quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học) thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh;	Điểm c khoản 5 Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
		b) Giáo dục, đào tạo về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh.	Điểm c khoản 7 Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
		4. Nhiệm vụ chi sự nghiệp khoa học và công nghệ, gồm: Nghiên cứu khoa học, phát triển, chuyên gia, ứng dụng công nghệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, pháp luật về chuyên gia công nghệ.	Khoản 6 Điều 152 và điểm d khoản 1 Điều 153 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
		5. Nhiệm vụ chi quản lý hành chính	Điểm đ khoản 1 Điều 153 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
		a) Đánh giá, tổng kết và theo dõi thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường;	Điểm b khoản 7 Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
		b) Hoạt động của Ban chỉ đạo, tổ chức các hội nghị về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu theo quyết định của Ủy ban	Điểm k khoản 9 Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-

		nhân dân tỉnh và các nhiệm vụ khác có tính chất quản lý hành chính phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.	CP
Điều 3.	Hiệu lực thi hành	Điều 3. Nhiệm vụ chi thường xuyên cho bảo vệ môi trường cấp huyện	
	Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu Khóa XIV, kỳ họp thứ mười lăm thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021./.	1. Nhiệm vụ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
		a) Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường nhằm nâng cao nhận thức và ý thức bảo vệ môi trường; tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về bảo vệ môi trường trên địa bàn;	Điểm a khoản 7 Điều 152 Nghị định 08/2022/NĐ-CP;
		b) Xây dựng các mô hình về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường;	Điểm đ, g khoản 9 Điều 152 Nghị định 08/2022/NĐ-CP;
		c) Hoạt động đánh giá phục vụ việc xác nhận về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;	Điểm h khoản 9 Điều 152 Nghị định 08/2022/NĐ-CP
		d) Điều tra, thống kê, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường, theo dõi diễn biến chất lượng môi trường, lập danh mục chất ô nhiễm, chất thải rắn, nguồn ô nhiễm; đánh giá, dự báo tình hình phát sinh, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; hỗ trợ phân loại chất thải rắn tại nguồn; thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và xử lý các loại chất thải khác phát sinh trên địa bàn thuộc trách	Điểm a và b khoản 1 Điều 152 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

		nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện;	
		đ) Thống kê đa dạng sinh học theo quyết định của cấp có thẩm quyền; tuyên truyền, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức về bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về đa dạng sinh học;	Điểm c khoản 5 Điều 152 Nghị định 08/2022/NĐ-CP; điểm a và điểm e Điều 73 Luật Đa dạng sinh học.
		e) Xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm: khu vực bị ô nhiễm tồn lưu hóa chất trong chiến tranh; khu vực bị ô nhiễm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật; khu vực đất bị ô nhiễm khác trên địa bàn thuộc trách nhiệm xử lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện; xử lý ô nhiễm môi trường nước mặt sông, hồ trên địa bàn thuộc trách nhiệm xử lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện (không bao gồm dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công);	Khoản 2 Điều 152 Nghị định 08/2022/NĐ-CP
		g) Tiếp nhận, xác minh, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư về bảo vệ môi trường trên địa bàn;	Điểm d khoản 9 Điều 152 Nghị định 08/2022/NĐ-CP
		h) Hoạt động kiểm tra, thanh tra, giám sát về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp huyện và theo quyết định của cấp có thẩm quyền.	Khoản 4 Điều 152 Nghị định 08/2022/NĐ-CP
		2. Nhiệm vụ chi các hoạt động kinh tế Hoạt động bảo tồn và phát triển bền vững đa	Điểm c khoản 5 Điều 152 và điểm b khoản 1 Điều

		dạng sinh học theo quy định tại khoản 3 Điều 73 Luật Đa dạng sinh học trên địa bàn từ hai xã trở lên thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện.	153 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
		3. Nhiệm vụ chỉ sự nghiệp giáo dục và đào tạo	Điểm c khoản 1 Điều 153 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
		a) Hoạt động bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học theo quy định tại khoản 3 Điều 73 Luật Đa dạng sinh học trên địa bàn từ hai xã trở lên thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện;	Điểm c khoản 5 Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
		b) Giáo dục, đào tạo về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc phạm vi từ hai đơn vị cấp xã trở lên thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện.	Điểm c khoản 7 Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
		4. Nhiệm vụ chỉ quản lý hành chính	Điểm đ khoản 1 Điều 153 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
		a) Đánh giá, tổng kết và theo dõi thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường;	Điểm b khoản 7 Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
		b) Hoạt động của Ban chỉ đạo, tổ chức các hội nghị về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện và các nhiệm vụ khác có tính chất quản lý hành chính phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.	Điểm k khoản 9 Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

		Điều 4. Nhiệm vụ chi thường xuyên cho bảo vệ môi trường cấp xã	
		1. Nhiệm vụ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
		a) Tuyên truyền, giáo dục pháp luật về môi trường, đa dạng sinh học, nâng cao ý thức về bảo vệ môi trường, bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học trên địa bàn;	Điểm a khoản 7 Điều 152 Nghị định 08/2022/NĐ-CP;
		b) Xây dựng các mô hình về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường trên địa bàn;	Điểm đ, g khoản 9 Điều 152 Nghị định 08/2022/NĐ-CP;
		c) Hoạt động đánh giá phục vụ việc xác nhận về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;	Điểm h khoản 9 Điều 152 Nghị định 08/2022/NĐ-CP
		d) Đánh giá, dự báo tình hình phát sinh, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn; hỗ trợ phân loại tại nguồn, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và xử lý các loại chất thải khác phát sinh trên địa bàn thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã;	Điểm b khoản 1 Điều 152 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.
		đ) Hoạt động kiểm tra, giám sát về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp xã và theo quyết định của cấp có thẩm quyền;	Khoản 4 Điều 152 Nghị định 08/2022/NĐ-CP
		e) Tiếp nhận, xác minh, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư về bảo vệ môi trường;	Điểm d khoản 9 Điều 152 Nghị định 08/2022/NĐ-CP
		2. Nhiệm vụ chi các hoạt động kinh tế	Điểm c khoản 5 Điều 152

		Hoạt động bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học theo quy định tại khoản 3 Điều 73 Luật Đa dạng sinh học (trừ lập, thẩm định quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học) thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã.	Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
		3. Nhiệm vụ chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	
		a) Hoạt động bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học theo quy định tại khoản 3 Điều 73 Luật Đa dạng sinh học thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã;	Điểm c khoản 5 Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
		b) Giáo dục, đào tạo về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã.	Điểm c khoản 7 Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
		4. Nhiệm vụ chi quản lý hành chính	Điểm đ khoản 1 Điều 153 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
		a) Đánh giá, tổng kết và theo dõi thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường;	Điểm b khoản 7 Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
		b) Hoạt động của Ban chỉ đạo, tổ chức các hội nghị về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã và các nhiệm vụ khác có tính chất quản lý hành chính phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.	Điểm k khoản 9 Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
		Điều 5. Nhiệm vụ chi đầu tư phát triển cho bảo vệ môi trường	Điểm b khoản 2 Điều 153 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

		1. Nhiệm vụ chi cấp tỉnh	
		<p>a) Dự án xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm, gồm: khu vực bị ô nhiễm tồn lưu hóa chất trong chiến tranh; khu vực bị ô nhiễm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật; khu vực đất bị ô nhiễm khác trên địa bàn từ hai huyện trở lên thuộc trách nhiệm xử lý của Ủy ban nhân dân tỉnh; xử lý ô nhiễm môi trường nước mặt sông, hồ trên địa bàn từ hai huyện trở lên thuộc trách nhiệm xử lý của Ủy ban nhân dân tỉnh (theo dự án đầu tư);</p>	Khoản 2 Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
		<p>b) Các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống thu gom, lưu giữ, trạm trung chuyển, khu tập kết, hạ tầng kỹ thuật của khu xử lý chất thải rắn tập trung, chất thải nguy hại, hệ thống xử lý nước thải, bãi chôn lấp chất thải sinh hoạt trên địa bàn; hệ thống các công trình, thiết bị công cộng phục vụ quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn; đầu tư công trình vệ sinh công cộng, công trình xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường do các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý. Đối với các dự án thuộc trách nhiệm của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân quản lý thì kinh phí thực hiện do doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân chi trả, ngân sách nhà nước không hỗ trợ; Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật hệ thống</p>	Điểm a và điểm b khoản 3 Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

		thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường, biến đổi khí hậu; hạ tầng kỹ thuật quan trắc môi trường của tỉnh; mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo dự án đầu tư;	
		<p>c) Đầu tư bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học theo quy định tại khoản 2 Điều 73 Luật Đa dạng sinh học thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, bao gồm: Điều tra cơ bản về đa dạng sinh học; phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên; bảo tồn loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học của Nhà nước; thực hiện các chương trình kiểm soát, cô lập, diệt trừ các loài ngoại lai xâm hại; đầu tư khác liên quan đến việc bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học theo quy định của pháp luật;</p> <p>Đầu tư dự án phục hồi hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái, bảo tồn đa dạng sinh học; đầu tư dự án chuyển đổi công nghệ loại trừ, giảm thiểu sử dụng các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát, thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh;</p>	Điểm b và điểm h khoản 5 Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
		d) Hoạt động hội nhập quốc tế và hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường, gồm: Vốn đối	Điểm b khoản 8 Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-

		ứng chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, viện trợ về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn theo quy định của pháp luật;	CP
		đ) Cấp vốn điều lệ, bổ sung vốn điều lệ cho quỹ bảo vệ môi trường tỉnh.	Điểm 1 khoản 9 Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
		2. Nhiệm vụ chi cấp huyện	
		a) Xây dựng, sửa chữa, cải tạo hạ tầng bảo vệ môi trường của làng nghề thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện;	Điểm c, điểm d khoản 1 Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
		b) Dự án xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm, gồm: khu vực bị ô nhiễm tồn lưu hóa chất trong chiến tranh; khu vực bị ô nhiễm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật; khu vực đất bị ô nhiễm khác trên địa bàn thuộc trách nhiệm xử lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện; xử lý ô nhiễm môi trường nước mặt sông, hồ trên địa bàn thuộc trách nhiệm xử lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện (theo dự án đầu tư);	Khoản 2 Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
		c) Các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống thu gom, lưu giữ, trạm trung chuyển, khu tập kết, hạ tầng kỹ thuật của khu xử lý chất thải rắn tập trung, chất thải nguy hại, hệ thống xử lý nước thải, bãi chôn lấp chất thải sinh hoạt trên địa bàn; hệ thống các công trình, thiết bị công cộng phục vụ quản lý	Điểm a và điểm b khoản 3 Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

		chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn; đầu tư công trình vệ sinh công cộng, công trình xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý (Đối với các dự án thuộc trách nhiệm của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân quản lý thì kinh phí thực hiện do doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân chi trả, ngân sách nhà nước không hỗ trợ);	
		d) Xử lý ô nhiễm môi trường nước mặt sông, hồ trên địa bàn thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện (không bao gồm dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công).	Khoản 2 Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
		3. Nhiệm vụ chi cấp xã	
		a) Các dự án xây dựng, hỗ trợ xây dựng công trình vệ sinh công cộng, phương tiện, thiết bị thu gom, quản lý, xử lý chất thải khu vực công cộng; công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ, chất thải; công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ, chất thải thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã;	Điểm c, điểm d khoản 1 Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
		b) Các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống thu gom, lưu giữ, trạm trung chuyển, khu tập kết, hệ thống xử lý nước thải, bãi chôn lấp chất thải sinh hoạt trên địa bàn; hệ thống các công trình, thiết bị công cộng phục vụ quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn; đầu tư công trình vệ sinh công cộng, công trình xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường do Ủy ban	Điểm a khoản 3 Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

		nhân dân cấp xã quản lý (Đối với các dự án thuộc trách nhiệm của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân quản lý thì kinh phí thực hiện do doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân chi trả, ngân sách nhà nước không hỗ trợ);	
		c) Xử lý ô nhiễm môi trường nước mặt sông, hồ trên địa bàn thuộc trách nhiệm xử lý của Ủy ban nhân dân cấp xã (không bao gồm dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công).	Khoản 2 Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
		Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện	
		Nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường quy định tại Nghị quyết này từ nguồn ngân sách các cấp theo phân cấp, nguồn vốn xã hội hóa và nguồn vốn khác.	
		Điều 7. Hội đồng nhân dân tỉnh giao	
		1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này; ban hành quy định cụ thể một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.	
		2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.	
		Điều 8. Hiệu lực thi hành	
		1. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khóa XV, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2024 và có hiệu	

		lực từ ngày ... tháng ... năm 2024.	
		2. Nghị quyết số 44/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu Phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Lai Châu hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành./.	